TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 938/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Năm.
2. Ông Hoàng Minh Đang.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Ông Phan Xuân Hiền- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1100/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 432A/44/23G đường DT, phường M, Quận Y, Thành phố H.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 432A/44/23G đường DT, phường M, Quận Y, Thành phố H.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ nguyên đơn bà B trình bày: Bà B và ông T sống chung năm 1996 có đăng ký kết hôn số 97 ngày 27/8/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố H. Vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp tính tình và cách sống, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Quá trình chung sống vợ chồng bà B và ông T có hai con chung tên

Nguyễn Thị Ngọc Nhung, sinh ngày 17/10/1996 (đã thành niên) và Nguyễn Trọng Nhân, sinh ngày 10/8/2004. Bà B yêu cầu giao con chung chưa thành niên cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung , bà B sẽ cấp dưỡng nuôi con khi ông T yêu cầu. Vợ chồng ông T và bà B không có tài sản chung và không có nợ chung. Về án phí dân sự sơ thẩm bà B xin chịu toàn bộ.

Bị đơn ông Tvắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 25/9/2019 trình bày: Vợ chồng sống chung có đăng ký kết hôn số 97 tại Ủy ban Nhân dân xã P, huyện N, Thành phố H vào ngày 27/8/2002. Nay ông T đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn gia đình đã lâu, không thể đoàn tụ. Con chung có hai con chung tên Nguyễn Thị NN, sinh ngày 17/10/1996 và Nguyễn TN, sinh ngày 10/8/2004.Ông T đồng ý nuôi con TN không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của bà B thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà B và ông T.

[3]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Về hôn nhân: bà B và ông T sống chung năm 1996 có đăng ký kết hôn số 97 ngày 27/8/2002 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố H vào ngày 27/8/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà B và ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có mặt. Bà B xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, bà B không còn tình cảm với ông T, không thể kéo dài đời sống chung nên cương quyết xin ly hôn. Bản thân ông T cũng đồng ý ly hôn và không đến tòa để giải quyết quan hệ hôn nhân với bà B chứng tỏ ông T không tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà B. Có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông T và bà B không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn ông Tcủa bà B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông T và bà B có hai con chung tên Nguyễn Thị NN, sinh ngày 17/10/1996 (đã thành niên) và Nguyễn TN, sinh ngày 10/8/2004. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét tình trạng thực tế hiện nay con chung đang sống chung với ông T và có nguyện vọng được sống với ba vì vậy tiếp tục giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét ông T không có yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà B đến khi ông T có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B tự khai không có và không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử vắng mặt ông N:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà B:

- Về hôn nhân: Bà B được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị NN, sinh ngày 17/10/1996 (đã thành niên) và Nguyễn TN, sinh ngày 10/8/2004.

Giao cho ông T trực tiếp nuôi một con chung chưa thành niên tên Nguyễn TN, sinh ngày 10/8/2004. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà B đến khi ông T có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định không có và không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0018606 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tcó quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q.8;
- UBND xã P, huyện N, TP.H;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Hòa